



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH & NV 인문과학사회대학교

KHOA VIỆT NAM HỌC 베트남학과

Địa chỉ 주소: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 군, 호찌민시

Điện thoại 전화번호: 84-28-3-8225009;

Email 이메일: vietnamhoc@hcmussh.edu.vn; Web 웹사이트: www.vns.edu.vn

QUY ĐỊNH CHUNG KHI THAM GIA LỚP HỌC TIẾNG VIỆT

베트남어코스 수강에관한 일반 규정

(2019 /09 월부터/2020/08 월까지 적용)

I. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC CẤP CHỨNG CHỈ CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT, CHỨNG NHẬN DỰ LỚP VÀ CÁC CHỨNG NHẬN KHÁC 베트남어능력증명서, 수강증명서와 다른 증명서 발급에관한 규정

1. Chứng chỉ năng lực tiếng Việt - 베트남어능력증명서 (본규 총장의 서명이 있음):

Học viên thi đạt trong kỳ thi năng lực tiếng Việt sẽ được cấp chứng chỉ sau ngày thi 20 ngày. 베트남어능력시험 합격자에게 시험후 20 일 후에 발급합니다.

Lệ phí 수수료: cấp miễn phí lần đầu 처음번에 무료발급. Cấp lại 재발급: 200.000 đồng/동/번/장 (chỉ cấp lại trong vòng 5 năm kể từ ngày cấp lần đầu 단지 처음 발급부터 5 년동안 발급하게 됩니다)

Chứng chỉ có giá trị trong 2 năm - 단지 2 년 동안 효력이 있음

2. Giấy xác nhận đã tham gia khoá học - 코스 수강증명서 (총장의 서명이 있음) :

(Giấy xác nhận tham gia khoá học (ghi rõ số tiết thực học) sẽ được cấp cho học viên có yêu cầu sau 01 tuần. 학습자는 신청후 일주일 뒤에 발급될 것입니다)

(Lệ phí 수수료: cấp miễn phí trong giai đoạn đang học 공부중인 시간에 무료 발급, 그시간후 50 000 동/번/장을 내야합니다. sau đó phải đóng 50 000 đồng/lần/giấy (chỉ cấp lại giấy xác nhận này trong vòng 5 năm tính từ ngày kết thúc khóa học.) (등록한 코스가 끝나는 날부터 5 년동안 이 수강증명서를 발급하게 합니다)

(Chỉ cấp lại giấy xác nhận này trong vòng năm tính từ ngày kết thúc khóa học. 코스가 끝나는 날부터 단지 5 년동안 이 증명서를 재발급합니다.

(Lệ phí - 수수료: 5 만동/번/장

3. Bảng điểm 성적표:

(Chỉ cấp cho học viên tham dự lớp nhóm mở rộng hoặc học lớp đặt riêng với ít nhất 60 tiết học/trình độ và đã tham gia kỳ kiểm tra cuối khóa. 단지 개인수업 이나 오픈 수업에 수준마다 최소 60 교시이상 참여해서 기말고사를 본 학습자에게 발급해줄 것입니다.

(Học viên yêu cầu kiểm tra riêng thì đóng lệ phí 700,000VND/bài kiểmtra. 개인 시험을 보고 싶으면 한번 700,000 동를 내세요.

(Chỉ cấp lại bảng điểm này trong vòng 5 năm tính từ ngày kết thúc khóa học 코스가 끝나는 날부터 단지 5 년동안 이 증명서를 재발급합니다.

(Lệ phí 수수료: 5 만동/번/장

4. Giấy xác nhận đang học 재학증명서:

(Học viên muốn xin xác nhận đang là học viên tại Khoa cần báo cho văn phòng biết trước 01 tuần. 학습자는 재학증명서를 (베트남학과에서 공부중인 사람임으로 인정하는 증서) 받고 싶으면 학과사무실을 일주일 전에 알려주세요.

(Lệ phí 수수료: 5 만동/번/장

*(Lưu ý dành cho sinh viên đến từ các trường đại học hệ chính qui nước ngoài **외국인 정규학생에게 주의사항:***

Sinh viên có nhu cầu cấp giấy xác nhận và bảng điểm không theo 3 mẫu trên thì cần báo với văn phòng về kế hoạch học tập của mình ngay ngày đầu tiên đến đăng ký học. 앞에 있는 3 표본과 다른 증명서나 성적표를 받고 싶으면 수업을 신청할때 당장 학과사무실에게 학습계획을 알려주세요.

II. QUY ĐỊNH VỀ HỌC PHÍ 학비규정

Học phí không được hoàn trả với bất cứ lý do nào 아무이유로도 학비환불되지않을 것입니다.

Trong trường hợp hủy lớp do số lượng học viên không đủ theo quy định, vui lòng mang theo biên lai học phí để nhận lại học phí 학습자 수량이 규정된 수량보다 더 적으면 코스가 취소되는 경우에 학비를 되찾기 위해 영수증을 지참 해주세요.

1. Đối với lớp nhóm mở rộng - 코스수업에게:

a. Giảm học phí 학비할인:

Giảm 05% cho học viên trả học phí trọn khoá trước 3 ngày kể từ ngày khai giảng (không tính thứ 7, chủ nhật). **Ví dụ:** nếu ngày khai giảng là ngày 20, học phí được giảm 05% nếu trả từ ngày 17 trở về trước (không tính thứ 7, chủ nhật).

개강일전 3 일 전에 한 코스의 학비를 내면 5%할인을 받게 될 것입나. (토요일, 일요일과 공휴일 제외) . 예: 개강일이 20 일이라면 17 일전에 학비를 내면 5%할인을 받게 될 것입니다 (토요일, 일요일과 공휴일 제외)

b. Bảo lưu học phí 학비보류:

(Chỉ giải quyết một trong 3 trường hợp: về nước, đi công tác hoặc bệnh nặng không thể tiếp tục học. 다음의 3 경우에만 해결할 수 있습니다: 귀국하거나 사업을 위해서 멀리 가야합니다.또한. 질병에 걸려서 학교에 올 수 없습니다.

(Chỉ chấp nhận bảo lưu học phí từ 20 tiết học trở lên **단지 적어도 20 교시이상을 보류하는 것을 승인합니다.**

(Khi bảo lưu học phí, số giờ đã học sẽ được tính lại với mức phí như sau: **학비를 보류할 때 배웠던 시간은 다음과 같이 다시 계산 될 것입니다**

Trình độ 수준	Học phí/tiết học 학비 / 교시
Sơ cấp 초급	90,000 VND/tiết 교시
Trung cấp 중급	100,000 VND/tiết 교시
Nâng cao 고급	105,000 VND/tiết 교시

(Thủ tục xin bảo lưu 보류수속: Học viên hoặc người thân phải trực tiếp đến văn phòng để làm đơn xin bảo lưu (theo mẫu) và nộp giấy tờ trình bày lý do xin bảo lưu trước ngày kết thúc khoá học. 학습자 또는 학습자의 친척들은 코스가 끝나기 전에 학과사무실에 와서 보류신청서(표본에따라) 를 작성하고 보류신청이유를 제시하는 문장을 내야합니다.

(Sau khi được Khoa chấp thuận thì học phí sẽ được bảo lưu 3 tháng kể từ ngày xin bảo lưu. 승인을 받은후에 학비보류를 신청하는 날부터 3 달동안 학비가 보류하게 될 수 있습니다.

(Trong thời hạn bảo lưu 보류기간동안: Học viên muốn đăng ký học lại thì phải đến văn phòng và mang theo bản photo của đơn xin bảo lưu (có chữ ký đồng ý của Khoa). Nếu không có lớp khoá phù hợp trình độ thì học viên sẽ được học lớp đặt riêng theo sự sắp xếp của văn phòng. 다시 수업을 등록하고 싶으면 보류신청서의 사본(학장의 서명이 있음) 을 갖고 사무실에 와서 보여주세요. 적합한 코스가 없으면 학습자가 개인수업을 공부하게 합니다.

(Sau ngày cuối cùng của thời hạn bảo lưu: nếu học viên không đến để đăng ký học lại, việc bảo lưu sẽ không còn hiệu lực và học phí xem như mất. 보류기간이 마감되지만 학습자가 수업을 다시, 등록하러 사무실에 오지않으면 보류이 무효해질 것입니다. 그래서 보류학비를 잃는 것처럼 됩니다.

2. Đối với lớp đặt riêng 개인수업에게:

(Học phí được giảm 5% nếu đáp ứng cả 2 điều kiện sau: **다음과 같은 2 조건들을 다 만족시키면 학비할인 5%을 받게 될 것입니다.**

(Trả trước 3 ngày làm việc của ngày đầu tháng. 그 월초순의 3 근무일 전에 학비를 내야합니다.

(Trả 40 tiết học/tháng/lần. 한달에 40 교시이상의 수업료를 한꺼번 냅니다. hoặc trả đủ các ngày làm việc trong tháng. 공부할 교시의 수업료를 다 냅니다.

(Học viên phải đi học theo lịch đã đăng ký và không được thay đổi. Nếu không thì buổi học vẫn được tính tiền. 등록했던 수업시간에 따라 공부해야합니다. 바꾸면 안 됩니다. 등록했던 시간에 수업을 하지않아도 돈을 내야합니다.

(**Lưu ý 주의:** Trường hợp nhà trường cho nghỉ đột xuất vì lý do cúp điện, giáo viên ốm,..thì học viên được học vào buổi khác theo sự sắp xếp của văn phòng. Nếu học viên không tham gia thì học phí xem như mất. 정전되거나 선생님이 병에 걸린 이유로 휴강되면 다른 날로 수업을 옮길 것입니다. 학습자가그 보충수업에 참여하지않으면 학비를 잃습니다.

III. QUY ĐỊNH KHÁC 다른규정

1. Kiểm tra xếp lớp : 수업을 분류하기위한 시험 :

Học viên được kiểm tra xếp lớp trước khi vào học, trừ học viên mới bắt đầu học.

수업이 시작하기전에 학습자가 수업을 분류하기위한 시험을 봐야합니다. (초급수준을 공부하기 시작하는 학습자 제외)

2. Kiểm tra cuối khoá 코스의 기말고사:

(Mục đích: đánh giá kết quả học tập trong khoá. 목적: 코스의 학습결과를 평가하기위한 시험

(Kiểm tra cuối khoá 코스말에 시험: chỉ tổ chức cho các lớp hoàn thành ½ sách hoặc một sách. 단지 교재의반이나 교재를 다 완료한 반이 시험을 칩니다.

3. Học thử (không áp dụng cho lớp riêng và trình độ E1) - 체험수업(초급 1 수준과 개인수업에게 안 적용됨)

Học viên chỉ được học thử 1~2 lần/một lớp và tối đa 2 lớp. Sau khi chọn được lớp phù hợp, học phí sẽ được tính từ ngày học thử của lớp đã chọn.

한 반에 단지 1-2 번, 최다 2 반에 체험할 수 있습니다. 부합한 반을 선택한후에 체험했던 수업의 수업료를 내야합니다.

4. Chuyển lớp 수업변경 (chỉ áp dụng cho lớp nhóm mở rộng và chỉ được chuyển 01 lần/khoá) - 단지 오픈 그룹수업에게 적용되고 코스마다 한번만 변경할 수 있음):

Chỉ chấp nhận 2 trường hợp xin chuyển lớp: 다음과 같은 2 경우에만 변경허락을 줍니다.

(Trường hợp không phù hợp trình độ: chỉ chấp nhận trong vòng 5 ngày đầu tiên của khoá và phải có sự đồng ý của giáo viên phụ trách: 학습자의 능력에 맞지않는 경우: 코스의 첫 5 일동안 하고 담당하는 선생님의 동의를 있어야합니다.

(Trường hợp không phù hợp thời gian: phải có giấy xác nhận của cơ quan làm việc và trước khi khoá học kết thúc 10 ngày. 학습자의 시간에 맞지않은 경우: 코스가 끝나기 전 10 일전에 , 또는 학습자가 일하고 있는 기관의 증명서가 있어야합니다.

(**Lưu ý:** Nếu vẫn chưa có lớp khác phù hợp thì học viên sẽ phải chờ học khoá gần nhất hoặc được sắp xếp học lớp đặt riêng cho hết số học phí còn lại. 적합 한 반이 없으면 최근의 코스를 공부하려 기다려야합니다. 또한, 나머지 학비를 들기위해서 개인수업도 공부할 수 있습니다.

5. Trang phục 의복: Học viên ăn mặc lịch sự khi đến trường, không đội mũ, đeo kính mát trong lớp học. 교내에 세련된 의복을 입어야합니다. 교실안에 모자를 입거나 선글라스를 쓰면 안됩니다.

6. Cấm hút thuốc 금연: Học viên không được phép hút thuốc trong khuôn viên trường. 캠퍼스내 금연

7. Quyền từ chối 등록 거절: Khoa Việt Nam học có quyền từ chối đăng ký học đối với các học viên có thái độ thiếu lịch sự, thiếu cộng tác với các cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Khoa, trong trường. 베트남학과는 좋지않은 태도가 있는 사람이나 강사, 직원들과 합작하 고 싶지않은 인의 등록을 거절 할 수 있습니다.

TP. HCM 호찌민시, ngày 01 tháng 9 năm 2019

TRƯỜNG KHOA 학과장

부교수. 박사. Lê Giang